

Bản án số: **27/2025/HS-ST**
Ngày: 21/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cà Văn Danh**.

Bà **Lò Thị Cải**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Tuấn Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2
- Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà **Cao Thị Ái** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2025/TLST- HS ngày 18 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 8 năm 2025 đối với Bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn T**; sinh năm: 1986, tại Điện Biên; Nơi cư trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là bản N, xã N, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn S; sinh năm 1960; Con bà: Lò Thị U (đã chết); Bị cáo chung sống như vợ chồng với Quàng Thị Í; sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/01/2021, Bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, đến ngày 14/6/2022, Bị cáo đã chấp hành xong và trở về địa phương sinh sống.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2025, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Mai Thị Thanh L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Quàng Thị Í; sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên), vắng

mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15/4/2025, Lò Văn T một mình điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 27U1-132.94, do Bị cáo mượn của Quàng Thị Í, đi từ nhà ở bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là bản N, xã N, tỉnh Điện Biên) lên bản Pu Nhi B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là bản Pu Nhi B, xã P, tỉnh Điện Biên) để tìm mua Heroine về sử dụng. Khoảng 18 giờ cùng ngày Bị cáo đến cuối bản Pu Nhi B, xã P thì gặp một người phụ nữ, dân tộc Mông, khoảng 45 tuổi, Bị cáo không biết tên, địa chỉ ở đâu, nhìn giống người nghiện ma túy đang đứng ở ven đường. Khi gặp Bị cáo hỏi người phụ nữ đó là “có biết chỗ nào bán Heroine không”, người phụ nữ bảo là “biết chỗ bán Heroine, muốn mua thì đưa tiền người phụ nữ đó sẽ đi mua hộ”, Bị cáo đồng ý, sau đó Bị cáo đưa cho người phụ nữ đó số tiền 150.000 đồng, người phụ nữ cầm tiền Bị cáo đưa, rồi đi đâu Bị cáo không biết. Khoảng 10 phút sau người phụ nữ đó quay lại chỗ Bị cáo và đưa cho Bị cáo 01 gói Heroine được gói bằng giấy trắng, mua được ma túy, Bị cáo cầm ở tay trái rồi điều khiển xe mô tô đi về. Đi được khoảng 500 mét, Bị cáo dừng xe lại mở gói Heroine ra vứt bỏ mảnh giấy trắng và nhặt 01 mảnh nilon màu hồng gói số Heroine vừa mua được lại, dùng bật lửa hàn kín miệng gói lại, rồi tiếp tục cầm gói H ở tay trái và điều khiển xe mô tô về nhà. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi Bị cáo điều khiển xe đến khu vực bản Pu Nhi A, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là bản Pu Nhi A, xã P, tỉnh Điện Biên) thì gặp tổ Công tác Công an xã P yêu cầu dừng xe kiểm tra, qua kiểm tra tổ Công tác phát hiện thu giữ 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng, miệng gói được hơ lửa hàn kín mà Bị cáo đang cầm ở tay trái, ngoài ra tổ công tác còn phát hiện thu giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mà Bị cáo điều khiển. Sau đó tổ Công tác đưa Bị cáo cùng toàn bộ vật chứng về trụ sở Công an xã P, Công an tỉnh Đ tiến hành mời người chứng kiến đến tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng để điều tra theo quy định của pháp luật.

Những vật chứng thu giữ của Bị cáo gồm:

- 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng, miệng gói được hơ lửa hàn kín.
- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX FI; biển kiểm soát 27U1- 132.94 xe đã qua sử dụng.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 27 000371 mang tên Quàng Thị Í.

Ngày 16/4/2025 tại Phân trại tạm giam khu vực huyện Đ - Trại tạm giam Công an tỉnh Đ đã tiến hành cân xác định khối lượng số vật chứng thu giữ của Lò Văn T

như sau: Số cục bột màu trắng nghi Heroine có khối lượng là: 0,76 gam gửi toàn bộ giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 317/KL- KTHS ngày 21/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ đã kết luận: Vật chứng gửi giám định thu giữ của Lò Văn T có khối lượng là 0,76 gam là chất ma túy: Loại Heroine. Vật chứng hoàn lại sau giám định là 0,69 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKSKV2 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/ BLHS. Đề nghị xử phạt Bị cáo: 01 năm 06 tháng đến 01 năm 10 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,69 gam Heroine là vật chứng hoàn lại sau giám định và 01 mảnh nilon màu hồng là vật không có giá trị sử dụng.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX FI; số máy: JA52E0490394; số khung: RLHJA3842NY158049; biển kiểm soát 27U1-132.94 xe đã qua sử dụng (trong cốp xe không có đồ vật, tài liệu, tài sản gì) và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 27 000371 mang tên Quàng Thị Í. Quá trình điều tra xác minh chủ sở hữu chiếc xe và giấy chứng nhận đăng ký xe trên là của chị Quàng Thị Í, do chị Í không biết việc Bị cáo mượn xe dùng vào việc phạm tội. Ngày 09/6/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 2627/QĐ- CSMT ngày 09/6/2025 đã trả lại chiếc xe và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên cho chủ sở hữu. Sau khi nhận lại tài sản chị Í không yêu cầu Bị cáo bồi thường gì thêm về mặt dân sự. Vì vậy Đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, cho rằng Viện kiểm sát truy tố, Tòa án xét xử bị cáo là đúng người đúng tội, đúng quy định pháp luật. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho Bị cáo hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị, không áp dụng hình phạt

bổ sung đối với Bị cáo, Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX miễn án phí cho Bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã rất hối hận, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình Điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 18 giờ 30 phút ngày 15/4/2025, tại khu vực bản Pu Nhi A, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là bản Pu Nhi A, xã P, tỉnh Điện Biên), Bị cáo có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,76 gam Heroine, mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi của Bị cáo là nguồn nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Điều 249/BLHS quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ”

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân của Bị cáo là xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, nguy cơ

gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, Bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra tại Điện Biên, được gia đình nuôi ăn học đến lớp 5/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông nghiệp. Năm 2004, Bị cáo chung sống như vợ chồng với Quàng Thị Í và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án; tiền sự: Không;

Ngày 14/01/2021, Bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, đến ngày 14/6/2022, Bị cáo đã chấp hành xong và trở về địa phương sinh sống. Bị cáo có nhân thân xấu.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52/BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước 0 giờ ngày 01 tháng 7 năm 2025; Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025 đã có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên quy định hình phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nhẹ hơn quy định tại khoản 1 Điều 249 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025. Với nguyên tắc xét xử có lợi cho Bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với hành vi phạm tội của Bị cáo.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249/BLHS: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của Bị

cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của Bị cáo là nông nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy gồm: 0,69 gam Heroine là vật chứng hoàn lại sau giám định là chất nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và 01 mảnh nilon màu hồng là vật không có giá trị sử dụng.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA; biển kiểm soát 27U1- 132.94 xe đã qua sử dụng (trong cốp xe không có đồ vật, tài liệu, tài sản gì) và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 27 000371 mang tên Quàng Thị Í. Ngày 09/6/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Quàng Thị Í theo Quyết định xử lý vật chứng số: 2627/QĐ- CSMT ngày 09/6/2025. Xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ, do vậy HĐXX cần chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ dân tộc Mông đã bán ma túy cho Bị cáo, do Bị cáo không biết tên, địa chỉ ở đâu. Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ. Vì vậy HĐXX không xem xét.

Đối với chị Quàng Thị Í: Quá trình điều tra đã xác định, chị Quàng Thị Í không biết việc bị cáo Lò Văn T mượn xe mô tô của chị để phạm tội. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập đến việc xử lý chị Quàng Thị Í, do đó HĐXX không xem xét.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[7.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7.2] Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Quàng Thị Í. Xét thấy Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Tại phiên tòa Bị cáo xin HĐXX xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Bị cáo vì Bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Bị cáo: **01 năm 08 tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (15/4/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu tiêu hủy gồm:* 0,69 gam Heroine là vật chứng hoàn lại sau giám định và 01 mảnh nilon màu hồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - tỉnh Điện Biên).

Chấp nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ cho chủ sở hữu là chị Quàng Thị Í theo Quyết định xử lý vật chứng số: 2627/QĐ-CSMT ngày 09/6/2025.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người CQLNVLQ;
- Phân trại TGNS;
- VKSND KV2-ĐB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Công an TĐB (PC04; PV06);
- Phòng THADS KV2-ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Phân trại tạm giam KV TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;
- VKSND KV2-ĐB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04; PV06);

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng THADS KV2-ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Trần Thị Tố Loan